TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

Bộ trưởng Bộ Tài chính Ngô Văn Tuấn điểm tên 6 nhóm vấn đề khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp

12:14 18/07/2026

Thông tin tại Hội nghị Thường trực Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp khai mạc sáng 18/7, Bộ trưởng Bộ Tài chính Ngô Văn Tuấn nêu tên 6 nhóm vấn đề khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Từ đó, đề xuất một số giải pháp cụ thể đối với từng nhóm doanh nghiệp.



Bộ trưởng Bộ Tài chính Ngô Văn Tuấn trình bày Báo cáo trung tâm của Hội nghị - Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Trình bày Báo cáo trung tâm của Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Tài chính Ngô Văn Tuấn cho biết, qua tổng hợp ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp và kết quả rà soát của các bộ, ngành, có thể khái quát những khó khăn, vướng mắc hiện nay thành 6 nhóm vấn đề lớn.

Thứ nhất, về thể chế và tổ chức thực hiện. Đây vẫn là điểm nghẽn lớn nhất. Một số quy định pháp luật còn chồng chéo, thiếu đồng bộ; việc ban hành văn bản hướng dẫn ở một số lĩnh vực còn chậm; cách hiểu và tổ chức thực hiện giữa các cơ quan, địa phương chưa thống nhất. Thủ tục hành chính tuy đã được cải cách nhưng vẫn còn tình trạng phân tán, thiếu liên thông; chuyển đổi số chưa đồng bộ, doanh nghiệp vẫn phải khai báo nhiều lần, nộp hồ sơ giấy ở một số thủ tục. Bên cạnh đó, ở một số nơi vẫn còn tâm lý e ngại trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy trong giải quyết công việc, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án và hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thứ hai, về tiếp cận các nguồn lực phát triển. Doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vẫn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận tín dụng, đất đai và các nguồn lực sản xuất. Thị trường vốn, quỹ đầu tư, cho thuê tài chính và các kênh huy động vốn trung, dài hạn chưa phát huy đầy đủ vai trò. Những vướng mắc về quỹ đất, xác định giá đất, giải phóng mặt bằng và thực hiện nghĩa vụ tài chính tiếp tục làm tăng chi phí, kéo dài thời gian đầu tư.

Thứ ba, về chi phí sản xuất, kinh doanh và dòng tiền. Giá nguyên liệu, năng lượng, logistics, vốn và lao động vẫn ở mức cao; trong khi các yêu cầu mới về tiêu chuẩn xanh, phát triển bền vững, truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm xã hội làm gia tăng chi phí tuân thủ. Việc chậm thanh toán, hoàn thuế, giải ngân hoặc xử lý các thủ tục liên quan cũng tạo thêm áp lực đối với dòng tiền và vốn lưu động của doanh nghiệp.

Thứ tư, về thị trường và chuỗi cung ứng. Xu hướng bảo hộ thương mại, các biện pháp phòng vệ thương mại, yêu cầu về ESG, giảm phát thải và cơ chế điều chỉnh carbon đang đặt ra những thách thức ngày càng lớn đối với doanh nghiệp Việt Nam. Trong khi đó, thị trường trong nước và các chuỗi cung ứng nội địa vẫn chưa phát huy đầy đủ vai trò là bệ đỡ cho doanh nghiệp phát triển.

Thứ năm, về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực. Cơ chế khuyến khích nghiên cứu, thử nghiệm và thương mại hóa sản phẩm mới chưa thật sự mạnh; liên kết giữa doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học còn hạn chế. Nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân lực số, nhân lực công nghệ và lao động kỹ thuật, vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Thứ sáu, về liên kết giữa các khu vực doanh nghiệp. Mối liên kết giữa doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn lỏng lẻo. Việc chia sẻ thị trường, chuyển giao công nghệ, phát triển nhà cung ứng và hình thành các chuỗi giá trị trong nước còn nhiều hạn chế, làm giảm hiệu quả lan tỏa của các nguồn lực và ảnh hưởng đến năng lực tự chủ của

nền kinh tế.

Những khó khăn nêu trên có nguyên nhân cả khách quan và chủ quan. Tuy nhiên, qua quá trình tổng hợp và rà soát, có thể thấy phần lớn không xuất phát từ việc thiếu chủ trương hay thiếu cơ chế, chính sách, mà chủ yếu do những điểm nghẽn trong quá trình tổ chức thực hiện. Đây cũng là nội dung cần được tập trung tháo gỡ với tinh thần quyết liệt, thực chất và đồng bộ hơn trong thời gian tới.

Bộ trưởng Ngô Văn Tuấn nhấn mạnh: Việc khơi thông và huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế, trong đó trọng tâm là khu vực doanh nghiệp trong thời gian tới cần được đặt trong tổng thể yêu cầu thực hiện mục tiêu tăng trưởng cao, nâng cao năng lực nội sinh, sức chống chịu và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Do đó, các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới cần quán triệt đầy đủ tinh thần của Kết luận số 18-KL/TW; Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước; Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Từ đó, lãnh đạo Bộ Tài chính đề xuất một số giải pháp chủ yếu:

Giải pháp chung cho khu vực doanh nghiệp:

Hoàn thiện thể chế, cải thiện thực chất môi trường đầu tư, kinh doanh. Khẩn trương rà soát, sửa đổi đồng bộ pháp luật về đầu tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường, phòng cháy, chữa cháy, đấu thầu, doanh nghiệp, thuế, hải quan và quản lý chuyên ngành; bảo đảm văn bản hướng dẫn được ban hành kịp thời và có quy định chuyển tiếp rõ ràng. Chuyển mạnh từ tiền kiểm truyền thống sang hậu kiểm dựa trên dữ liệu, trên cơ sở quản lý rủi ro. Gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ giải quyết, khắc phục tình trạng né tránh, sợ sai và đùn đẩy.

Đẩy nhanh tái thiết kế thủ tục hành chính trên nền tảng số, không chỉ số hóa hồ sơ giấy. Thực hiện nguyên tắc doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần; kết nối, chia sẻ dữ liệu; công khai đầu mối, tiến độ và tình trạng xử lý hồ sơ; tự động cảnh báo hồ sơ quá hạn.

Khơi thông dòng vốn và dòng tiền cho doanh nghiệp: Hoàn thiện hành lang pháp lý cho vay dựa trên dòng tiền, dữ liệu, hợp đồng, đơn hàng, khoản phải thu,...; mở rộng phạm vi tài sản bảo đảm đối với động sản, hàng tồn kho, tài sản hình thành trong tương lai, quyền tài sản, sở hữu trí tuệ, phần mềm và dữ liệu. Phát triển đồng bộ thị trường vốn, trái phiếu doanh nghiệp, quỹ đầu tư, cho thuê tài chính và tài trợ chuỗi cung ứng. Thiết lập cơ chế bảo đảm thanh toán

đúng hạn đối với hoàn thuế, dự án đầu tư công, mua sắm công và hợp đồng sử dụng ngân sách nhà nước.

Tháo gỡ vướng mắc đất đai, dự án và phát triển hạ tầng: Hoàn thiện quy trình lựa chọn nhà đầu tư, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, xác định giá đất và nghĩa vụ tài chính theo hướng rõ thủ tục, phương pháp, thời hạn và trách nhiệm. Phân loại và xử lý dứt điểm các dự án chậm tiến độ, công trình ách tắc, đất đai bỏ hoang. Công khai dữ liệu quy hoạch, quỹ đất, giá đất và tình trạng pháp lý dự án trên hệ thống thống nhất. Đẩy nhanh hạ tầng chiến lược về giao thông, logistics, năng lượng, khu công nghiệp và hạ tầng số; bảo đảm cung ứng điện ổn định cho các dự án công nghệ cao, trung tâm dữ liệu và công nghiệp chiến lược.

Giảm chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí tuân thủ: Thực hiện thống nhất mã hàng, tiêu chuẩn, quy chuẩn và phương pháp kiểm tra; công nhận kết quả thử nghiệm, chứng nhận còn hiệu lực. Áp dụng phân loại rủi ro để miễn, giảm kiểm tra đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt. Tham vấn, đánh giá kỹ tác động trước khi điều chỉnh thuế, phí, tiêu chuẩn và quy chuẩn; có thời gian chuyển tiếp phù hợp. Rà soát giá, phí, phụ phí logistics; kết nối dữ liệu giữa cảng, kho, vận tải, hải quan và cơ quan kiểm tra chuyên ngành nhằm giảm thời gian lưu kho, lưu bãi và thông quan.

Mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và đổi mới sáng tạo: Đổi mới xúc tiến thương mại theo từng ngành hàng, thị trường và FTA; hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn xanh, ESG, truy xuất nguồn gốc, phòng vệ thương mại. Phát huy thị trường trong nước như một bệ đỡ thông qua kết nối cung - cầu, phát triển thương hiệu Việt, hệ thống phân phối trong nước. Hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, hỗ trợ R&D, thương mại hóa; thúc đẩy liên kết viện, trường, trung tâm đổi mới sáng tạo với doanh nghiệp. Đào tạo, đào tạo lại nhân lực số, xanh, công nghệ và lao động kỹ thuật theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

Giải pháp đối với từng khu vực doanh nghiệp

Đối với doanh nghiệp nhà nước, tập trung nguồn lực vào các ngành nền tảng, hạ tầng và công nghiệp chiến lược; đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, nâng cao hiệu quả quản trị và sử dụng vốn. Khẩn trương hoàn thiện danh mục doanh nghiệp nhà nước mạnh, quy mô lớn, có vai trò dẫn dắt; yêu cầu các tập đoàn, tổng công ty công khai nhu cầu mua sắm, tiêu chuẩn kỹ thuật và chương trình phát triển nhà cung ứng trong nước, đồng thời đưa kết quả đổi mới công nghệ, phát triển nhà cung ứng nội địa và tiến độ dự án vào tiêu chí đánh giá người đứng đầu.

Đối với khu vực tư nhân, bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận vốn, đất đai, đầu tư công, mua sắm công và các dự án hạ tầng; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuẩn hóa quản trị, kế toán, công nghệ và tiêu chuẩn để mở rộng quy mô và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị, phát triển các mô hình kinh doanh mới như "doanh nghiệp 1 người" để thúc đẩy khởi nghiệp, khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

Đối với khu vực FDI, chuyển trọng tâm thu hút từ số lượng sang chất lượng, ưu tiên công nghệ cao, nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo, năng lượng sạch, hạ tầng số và công nghiệp hỗ trợ; gắn ưu đãi đầu tư với kết quả chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, sử dụng nhà cung ứng Việt Nam, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải.

Về giải pháp thúc đẩy cơ chế liên kết giữa ba khu vực doanh nghiệp

Cần thiết lập cơ chế liên kết và đo lường kết quả giữa ba khu vực doanh nghiệp. Lựa chọn các ngành có khả năng lan tỏa cao như năng lượng, điện lực, dầu khí, viễn thông, hạ tầng số, logistics, chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao và chuyển đổi xanh để xây dựng chuỗi liên kết. Xác định doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp tư nhân lớn làm hạt nhân; doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia các công đoạn cung ứng, dịch vụ kỹ thuật, thiết kế, bảo trì và logistics. Đánh giá bằng các chỉ tiêu cụ thể: tỉ lệ mua sắm trong nước, số doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi, giá trị hợp đồng cung ứng, tỉ lệ nội địa hóa, số dự án chuyển giao công nghệ và số lao động kỹ thuật được đào tạo.

Theo baochinhphu.vn